

Số: **251** /QĐ-DHN

Hà Nội, ngày **29** tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Miễn, giảm học phí học kỳ II, năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 828 BYT/QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ trưởng Bộ Y tế: tách Trường Đại học Y dược thành 2 trường Đại học Y khoa và Đại học Dược khoa;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Học viên, sinh viên – Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí Học kỳ II, năm học 2022-2023 cho 151 sinh viên (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Việc miễn giảm học phí được thực hiện trong 05 tháng/Học kỳ.

Điều 3. Trưởng các phòng Công tác Học viên, sinh viên – Y tế, Tài chính kế toán và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- ĐTN, HSV, Niêm yết;
- Lưu: VT, HVSV-YT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Thị Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC DIỆN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Học kỳ II, năm học 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số **251** /QĐ-DHN ngày **29** tháng 3 năm 2023)

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Diện	Đối tượng
1	1801559	Nguyễn Thị Hà Phương	P1K73	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 39%
2	1801190	Trần Thúy Hằng	N1K73	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 59%
3	1901171	Hoàng Mạnh Hà	M1K74	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 31%
4	1901255	Trần Thùy Hoàng	N1K74	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 51%
5	1901760	Nguyễn Hải Tuấn	P1K74	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 36%
6	1901506	Phạm Đăng Hồng Ngọc	Q1K74	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 31%
7	1901311	Nguyễn Thị Thanh Huyền	N1K74	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 31%
8	2001004	Phạm Thị Thúy An	A2K75	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 31%
9	2001047	Vũ Lan Anh	A2K75	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 50%
10	2001082	Nguyễn Ngọc Chi	A2K75	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 35%
11	2001169	Hoàng Ngọc Hà	A2K75	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 31%
12	2001573	Nguyễn Thị Phương Thảo	A1K75	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 65%
13	1801445	Trịnh Thu Mai	P1K73	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 35%
14	2101488	Giang Minh Nguyệt	A4K76	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 31%
15	1801244	Lê Thị Yến Hoa	P1K73	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 64%
16	2201067	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	A1K77	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 33%
17	2201257	Vũ Thị Hà	A2K77	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 91%
18	2201655	Vũ Duy Phúc	A3K77	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 31%
19	2201760	Nguyễn Phúc Thịnh	A4K77	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 42%
20	2281010	Nguyễn Trường Giang	S1K1	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 41%
21	1701393	Nguyễn Hằng Nga	O1K73	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
22	1801297	Bế Quang Huy	Q1K73	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
23	1801312	Lý Thị Huyền	P1K73	Giảm 70% HP	DT Nùng - VĐBKK
24	1801693	Lù Khánh Toàn	O1K73	Giảm 70% HP	DT Nùng - VĐBKK
25	1801205	Hoàng Thị Hậu	O1K73	Giảm 70% HP	DT Cao Lan - VĐBKK
26	1801140	Hà Phương Duy	O1K73	Giảm 70% HP	DT Mường - VĐBKK
27	1801502	Nguyễn Bích Ngọc	Q1K73	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
28	1901263	Đinh Thu Huệ	N1K74	Giảm 70% HP	DT Mường - VĐBKK
29	1901389	Hà Thị Loan	P1K74	Giảm 70% HP	DT Mường - VĐBKK
30	1901740	Quan Thùy Trang	P1K74	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
31	1901730	Nguyễn Thị Huyền Trang	O1K74	Giảm 70% HP	DT Nùng - VĐBKK
32	1901509	Phùng Thị Kim Ngọc	P1K74	Giảm 70% HP	DT Dao - VĐBKK
33	2001089	Đinh Mạnh Chung	A2K75	Giảm 70% HP	DT Mường - VĐBKK
34	2001093	Bàn Thị Cói	A3K75	Giảm 70% HP	DT Dao - VĐBKK
35	2001110	Nguyễn Thị Hồng Diệp	A4K75	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Diện	Đối tượng
36	2001151	Trần Mỹ Duyên	A2K75	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
37	2001194	Bùi Thị Diệu Hằng	A3K75	Giảm 70% HP	DT Mường - VĐBKK
38	2001254	Bùi Minh Hoàng	A3K75	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
39	2001340	Lê Thị Yến Linh	A4K75	Giảm 70% HP	DT Thái - VĐBKK
40	2001670	Lê Thị Kiều Trinh	A1K75	Giảm 70% HP	DT Nùng - VĐBKK
41	2001716	Hà Tiểu Yến	A3K75	Giảm 70% HP	DT Thái - VĐBKK
42	1801167	Nông Thị Bích Hà	M1K73	Giảm 70% HP	DT Nùng - VĐBKK
43	1901558	Nông Thị Thu Phương	P1K74	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
44	1901657	Trương Thị Hương Thảo	P1K74	Giảm 70% HP	DT Mường - VĐBKK
45	1901699	Chung Thủy Tiên	Q1K74	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
46	2101320	Phạm Bảo Khánh	A4K76	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
47	2101571	Dương Thị Thanh Tâm	A1K76	Giảm 70% HP	DT Hoa - VĐBKK
48	2101708	Võ Thảo Vân	A2K76	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
49	2101717	Ma Thị Yếm	A1K76	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
50	2191009	Lê Minh Đức	H1K2	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
51	2001203	Trần Thu Hằng	A4K75	Giảm 70% HP	DT Nùng - VĐBKK
52	2201214	Triệu Thùy Dương	A1K77	Giảm 70% HP	DT Nùng - VĐBKK
53	2201278	Trần Thị Diễm Hạnh	A1K77	Giảm 70% HP	DT Thái - VĐBKK
54	2201429	Ngô Gia Lệ	A3K77	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
55	2201770	Hoàng Anh Thư	A2K77	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
56	2201804	Dương Quỳnh Trang	A1K77	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
57	2201707	Hoàng Minh Sơn	A4K77	Giảm 70% HP	DT Mường - VĐBKK
58	1801051	Vũ Thị Ngọc Anh	P1K73	Miễn học phí	Con thương binh 71%
59	1801149	Lưu Hương Giang	O1K73	Miễn học phí	Con thương binh 25%
60	1801181	Dương Thị Thúy Hằng	N1K73	Miễn học phí	Con liệt sỹ
61	1801249	Vũ Thị Thu Hòa	P1K73	Miễn học phí	Con bệnh binh 91%
62	1801250	Cao Thị Hoài	M1K73	Miễn học phí	Con thương binh 35%
63	1801335	Nguyễn Quý Khánh	Q1K73	Miễn học phí	Con thương binh 63%
64	1801384	Lưu Huệ Linh	N1K73	Miễn học phí	Con thương binh 23%
65	1801508	Trương Thị Minh Ngọc	O1K73	Miễn học phí	Con thương binh 61%
66	1801596	Nguyễn Như Quỳnh	Q1K73	Miễn học phí	Con thương binh 61%
67	1801606	Hoàng Thanh Sơn	O1K73	Miễn học phí	Con thương binh 61%
68	1801663	Đinh Thị Thơm	O1K73	Miễn học phí	Con bệnh binh 61%
69	1801706	Lê Thị Ngọc Trang	N1K73	Miễn học phí	Con bệnh binh 71%
70	1801707	Lục Thị Trang	Q1K73	Miễn học phí	DT Nùng - Hộ cận nghèo
71	1801762	Trần Thị Vân	N1K73	Miễn học phí	Con thương binh 4/4
72	1801393	Nguyễn Thảo Linh	P1K73	Miễn học phí	Con thương binh 22%
73	1801437	Bùi Phương Mai	M1K73	Miễn học phí	Con thương binh 21%
74	1801684	Lê Thị Thùy	Q1K73	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
75	1801696	Phạm Thị Thu Trà	M1K73	Miễn học phí	Con thương binh 4/4

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Diện	Đối tượng
76	1801258	Đặng Thị Thu Hoàn	Q1K73	Miễn học phí	Con thương binh 42%
77	1801469	Nguyễn Thị Lê Na	O1K74	Miễn học phí	Con thương binh 41%
78	1801719	Nguyễn Yến Trang	P1K73	Miễn học phí	Con thương binh 1/4
79	1801007	Bùi Thị Minh Anh	O1K73	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo
80	1901289	Vương Thị Hường	Q1K74	Miễn học phí	DT Tây - Hộ nghèo
81	1901518	Lương Thị Huyền Nhi	Q1K74	Miễn học phí	DT Thái - Hộ cận nghèo
82	1901067	Hoàng Thái Bảo	Q1K74	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo
83	1901071	Lương Thị Bích	P1K74	Miễn học phí	DT Tây - Hộ cận nghèo
84	1901078	Lê Thị Phương Chi	Q1K74	Miễn học phí	Con thương binh 31%
85	1901102	Phạm Quốc Đạt	Q1K74	Miễn học phí	Con bệnh binh 51%
86	1901166	Trần Thị Thanh Giang	N1K74	Miễn học phí	Con thương binh 41%
87	1901247	Dương Thế Hoàng	Q1K74	Miễn học phí	DT Nùng - Hộ nghèo
88	1901284	Phí Mai Hương	Q1K74	Miễn học phí	Con bệnh binh 81%
89	1901301	Cao Thị Hoàng Huyền	M1K74	Miễn học phí	Con bệnh binh 61%
90	1901318	Trần Thị Thanh Huyền	M1K74	Miễn học phí	Con thương binh 4/4
91	1901400	Lư Thị Luân	P1K74	Miễn học phí	DT Nùng - Hộ cận nghèo
92	1901443	Bùi Nhật Minh	N1K74	Miễn học phí	Con thương binh 38%
93	1901480	Bùi Thị Ngân	N1K74	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
94	1901597	Phạm Thị Xuân Quỳnh	N1K74	Miễn học phí	Con thương binh 33%
95	1901618	Hoàng Văn Thắng	Q1K74	Miễn học phí	DT Tây - Hộ nghèo
96	1901704	Thò Bá Tính	Q1K74	Miễn học phí	DT Mông - Hộ nghèo
97	1901233	Trần Văn Hiếu	P1K74	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
98	1901150	Đỗ Thị Hồng Gấm	Q1K74	Miễn học phí	Con bệnh binh 62%
99	2001003	Nguyễn Thị Thu An	A2K75	Miễn học phí	Con thương binh 4/4
100	2001012	Đỗ Thị Kim Anh	A4K75	Miễn học phí	Con bệnh binh 51%
101	2001062	Nhâm Đức Bách	A4K75	Miễn học phí	Con bệnh binh 81%
102	2001097	Vũ Thị Kim Cúc	A3K75	Miễn học phí	DT Nùng - Hộ cận nghèo
103	2001105	Nguyễn Hải Đăng	A4K75	Miễn học phí	Con bệnh binh 65%
104	2001155	Bùi Thị Giang	A4K75	Miễn học phí	Con bệnh binh 51%
105	2001182	Phạm Thu Hà	A1K75	Miễn học phí	Con thương binh 21%
106	2001200	Phạm Thị Minh Hằng	A2K75	Miễn học phí	Con thương binh 81%
107	2001237	Đình Hồ Đức Hiệu	A4K75	Miễn học phí	Con thương binh 29%
108	2001361	Trần Thị Thùy Linh	A1K75	Miễn học phí	Con thương binh 38%
109	2001470	Vì Thị Kim Oanh	A4K75	Miễn học phí	DT Thái - Hộ nghèo
110	2001471	Vàng Mùi Phạm	A1K75	Miễn học phí	DT Dao - Hộ cận nghèo
111	2001591	Tô Vũ Thịnh	A4K75	Miễn học phí	DT Tây - Hộ cận nghèo
112	2001612	Kim Hoài Thương	A2K75	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
113	2001205	Bùi Thị Hạnh	A3K75	Miễn học phí	DT Tây - Hộ cận nghèo
114	2001506	Hà Thị Lệ Quyên	A3K75	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
115	2001533	Hoàng Thị Tâm	A3K75	Miễn học phí	DT Nùng - Hộ nghèo

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Diện	Đối tượng
116	2001263	Lý Thị Huệ	A3K75	Miễn học phí	DT Tày - Hộ cận nghèo
117	2101634	Bế Thị Thủy	A2K76	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
118	2001630	Bùi Thị Thu Trà	A3K75	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo
119	2101016	Lưu Trần Minh Anh	A1K76	Miễn học phí	Con thương binh 25%
120	2101099	Nguyễn Thành Đạt	A1K76	Miễn học phí	Con thương binh 36%
121	2101103	Hoàng Mùi Diễm	A2K76	Miễn học phí	DT Dao - Hộ nghèo
122	2101308	Nguyễn Thị Thu Huyền	A1K76	Miễn học phí	Con thương binh 21%
123	2101340	Lương Thị Ngọc Lan	A4K76	Miễn học phí	Con thương binh 97%
124	2101343	Nguyễn Thạch Liên	A1K76	Miễn học phí	Con thương binh 25%
125	2101406	Nguyễn Thị Minh Lý	A4K76	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo
126	2101548	Phạm Thị Quyên	A1K76	Miễn học phí	Con thương binh 15%
127	2101633	Vũ Thị Thùy	A2K76	Miễn học phí	Con thương binh 21%
128	2101636	Hồ Hương Thủy	A2K76	Miễn học phí	Con thương binh 26%
129	2101327	Nguyễn Hữu Khoa	A2K76	Miễn học phí	Con bệnh binh 61%
130	2001115	Hoàng Thị Xuân Diệu	A4K75	Miễn học phí	DT Tày - Hộ nghèo
131	2101644	Bùi Phương Tinh	A3K76	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo
132	2001566	Hà Thị Phương Thảo	A4K75	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo
133	2001611	Đào Thị Thương	A3K75	Miễn học phí	DT Cao Lan - Hộ cận nghèo
134	2201037	Hoàng Trường Đức Anh	A3K77	Miễn học phí	Con thương binh 81% (c.nuôi)
135	2201042	Lê Thị Lan Anh	A4K77	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo
136	2201164	Nguyễn Quốc Đạt	A1K77	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
137	2201188	Bùi Thị Thùy Dung	A3K77	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
138	2201213	Quách Văn Dương	A3K77	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo
139	2201306	Lý Thị Hiếu	A2K77	Miễn học phí	DT Nùng - Hộ cận nghèo
140	2201308	Lù Thị Hoa	A3K77	Miễn học phí	DT Nùng - Hộ cận nghèo
141	2201311	Nông Hồng Hoa	A3K77	Miễn học phí	DT Tày - Hộ cận nghèo
142	2201347	Lê Phương Huệ	A1K77	Miễn học phí	Con thương binh 81%
143	2201380	Đặng Thị Huyền	A3K77	Miễn học phí	Con thương binh 43%
144	2201392	Nguyễn Thị Thu Huyền	A2K77	Miễn học phí	Con bệnh binh 45%
145	2201461	Nguyễn Thị Huyền Linh	A3K77	Miễn học phí	Con thương binh 37%
146	2201506	Vi Thị Nam Ly	A2K77	Miễn học phí	DT Thái - Hộ cận nghèo
147	2201864	Nguyễn Diệu Tuyết	A1K77	Miễn học phí	DT Tày - Hộ nghèo
148	2281046	Nguyễn Thị Tâm	S1K1	Miễn học phí	Con người nhiễm CDHH 61%
149	2201313	Voọng Thị Hoa	A4K77	Miễn học phí	DT Thái - Hộ nghèo
150	2101346	Tổng Thị Liên	A3K76	Miễn học phí	DT Sán Dìu - Hộ cận nghèo
151	2201277	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	A4K77	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo

Danh sách có 151 sinh viên./

